

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 09/7/2025.

V/v “Tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thanh Tâm**.

2. Ông **Phạm Phước Tâm**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Trọng Nhân** - Thư ký viên.

Vào ngày 08/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 03 năm 2025 về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 256/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số I, N, phường C, tỉnh Đồng Tháp (phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cũ).

2. *Bị đơn:* **Đặng Văn T**, sinh năm 1985;

Huỳnh N1, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Tổ A, khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp (ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cũ).

(Ông N có mặt; Ông T và bà N1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thành N trình bày:* Từ năm 2019 đến năm 2021, vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 có vay (mượn) tiền của ông N, cụ thể như sau: Ngày 10/8/2019, vay 15.000.000 đồng; Ngày 20/11/2020, vay 3.000.000 đồng; Ngày 18/10/2021, vay 3.000.000 đồng; Ngày 10/12/2021, vay 4.000.000 đồng; thỏa thuận lãi suất 0,2%/tháng, việc vay (mượn) tiền đều có viết biên nhận. Trong quá trình vay vợ chồng ông T và bà N1 có đóng lãi cho ông N, tuy nhiên sau đó thì không

đóng lãi và cũng không trả số tiền vốn vay; mặc dù ông N đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T và bà N1 vẫn không thực hiện. Nay ông Nguyễn Thành N yêu cầu ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 có nghĩa liên đới trả cho ông số tiền vốn vay 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông N không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Đối với bị đơn ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Biên nhận ngày 10/8/2019 (bản chính); biên nhận ngày 20/11/2020 (bản chính); biên nhận ngày 18/10/2021 (bản chính); biên nhận ngày 10/12/2021 (bản chính).

- Các bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N về việc yêu cầu ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; các bị đơn có nơi cư trú tại khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp (ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cũ) vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu 9 – Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Đối với bị đơn ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Đồng thời, tại phiên tòa ông Nguyễn Thành N xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì ông N không tranh chấp số tiền nào khác, trong vụ án này

chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Về thời hiệu, xét thấy: Hợp đồng dân sự vay tài sản được xác lập vào các ngày 10/8/2019, ngày 20/11/2020, ngày 18/10/2021 và ngày 10/12/2021, đồng thời không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N về việc yêu cầu ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 25.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Vào các ngày 10/8/2019, ngày 20/11/2020, ngày 18/10/2021 và ngày 10/12/2021, ông Nguyễn Thành N có cho ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 vay (mượn) số tiền tổng cộng 25.000.000 đồng, mục đích vay là để đầu tư làm ăn và ông T, bà N1 có ký tên, ghi rõ họ tên vào giấy vay (mượn) tiền và hiện nay chưa trả cho ông N. Mặt khác, ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án về những yêu cầu của ông Nguyễn Thành N đối với ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1, nhưng ông bà không có văn bản ý kiến hay phản đối gì đối với những yêu cầu của ông N. Do đó, có đủ căn cứ xác định ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 còn nợ ông Nguyễn Thành N số tiền 25.000.000 đồng nên việc ông N yêu cầu ông T và bà N1 trả số tiền 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành N xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì ông N không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành N về việc yêu cầu ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 liên đới trả số tiền 25.000.000 đồng, nên ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 phải chịu 1.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thành N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Nguyễn Thành N thuộc trường hợp được miễn tiền án phí (người cao tuổi).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 275, 288, 429, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N.

- Buộc ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Ông Đặng Văn T và bà Huỳnh N1 phải liên đới chịu 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Thành N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Nguyễn Thành N thuộc trường hợp được miễn tiền án phí (người cao tuổi).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSKV9-Đồng Tháp;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA (Đ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hữu Chính